

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 8 và 8 tháng năm 2019

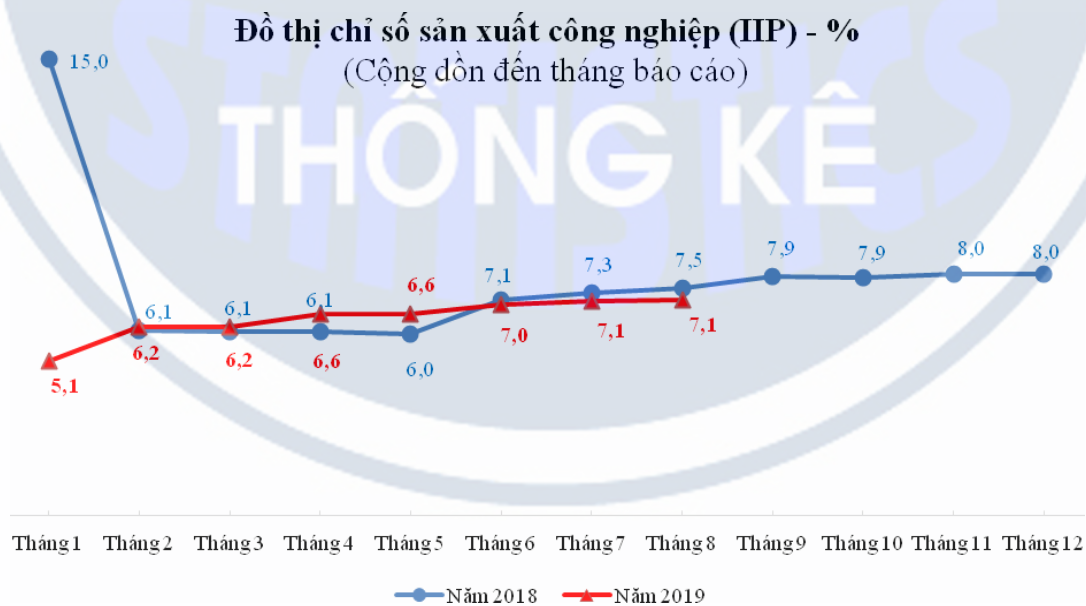
Kinh tế Thành phố qua 8 tháng đầu năm có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại trong bối cảnh kinh tế thế giới chịu tác động từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung lan sang thị trường tiền tệ cùng với những căng thẳng về vấn đề địa chính trị. Trong nước tỷ giá USD tăng, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công thấp nhất trong nhiều năm qua, bệnh dịch tả lợn Châu Phi lan rộng khắp các tỉnh, thành và thời tiết liên tục diễn ra không thuận lợi.

A. KINH TẾ

I. CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 8 năm 2019 ước tính tăng 5,2% so với tháng trước, trong đó ngành công nghiệp khai thác tăng 61,7%; công nghiệp chế biến tăng 5,2%; sản xuất và phân phối điện tương đương tháng trước; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 6,8%.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2019, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp trên địa bàn thành phố tăng 7,1% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, ngành khai thác giảm 6,9% do động dịch vụ hỗ trợ khai thác giảm; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,3%; sản xuất và phân phối điện tăng 9,1%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 0,8%.



Đối với các ngành công nghiệp cấp II, tính chung 8 tháng đầu năm 2019 thì 17/30 ngành cấp II có chỉ số sản xuất công nghiệp đều tăng so cùng kỳ năm trước, trong

đó các ngành có mức tăng khá như: Sản xuất kim loại tăng 56,5%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 43,0%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 24,2%; sản xuất thiết bị điện tăng 15,4%. Một số ngành có chỉ số sản xuất giảm mạnh so cùng kỳ như: Chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ, tre, nứa giảm 34,7%; thoát nước và xử lý rác thải giảm 13,5%.

Các ngành chủ yếu có chỉ số sản xuất công nghiệp lũy kế 8 tháng đầu năm tăng cao hơn chỉ số chung toàn ngành công nghiệp như: Sản xuất thiết bị điện tử tăng 24,2%; sản xuất thiết bị điện tăng 15,4%; sản xuất đồ uống tăng 7,2%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 8/2019 so với tháng 7/2019	8 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	105,2	107,1
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai khoáng	161,7	93,1
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	105,2	107,3
3. SX và phân phối điện	100,0	109,1
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	106,8	100,8
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	102,3	96,6
2. Sản xuất đồ uống	101,0	107,2
3. Sản xuất trang phục	105,2	102,5
4. Sản xuất da và SP liên quan	99,9	98,6
5. SX hóa chất và SP hóa chất	106,2	98,9
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	99,6	98,4
7. SP. từ khoáng phi kim loại	87,2	92,6
8. Sản xuất SP điện tử	120,8	124,2
9. Sản xuất thiết bị điện	108,7	115,4
10. Sản xuất xe có động cơ	80,0	96,2

Đối với 4 ngành công nghiệp trọng điểm, chỉ số sản xuất công nghiệp 8 tháng đầu năm 2019 tăng 6,4% so cùng kỳ năm 2018, thấp hơn 0,8 điểm phần trăm so với chỉ số sản xuất chung của toàn ngành công nghiệp. Trong đó, ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống tăng 0,4%; ngành hóa dược giảm 0,7%; ngành điện tử tăng 24,2%; ngành cơ khí tăng 9,4%. Ngành sản xuất hàng điện tử tăng cao do các doanh nghiệp thường xuyên ứng dụng các công nghệ mới, hiện đại; các sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghệ cao (chất bán dẫn, vi mạch, bo mạch điện tử...) và có thị trường tiêu thụ ổn định.

Chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm

Đơn vị tính: %

	Tháng 8/2019 so với tháng 7/2019	8 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	103,5	106,4
A-Ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống	101,8	100,4
10-Sản xuất chế biến thực phẩm	102,3	96,6

	Tháng 8/2019 so với tháng 7/2019	8 tháng so với cùng kỳ
11-Sản xuất đồ uống	101,0	107,2
B-Ngành hóa dược	101,6	100,7
20-Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	106,2	98,9
21-Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	95,9	111,8
22-Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	99,6	98,4
C-Ngành Sản xuất hàng điện tử	120,8	124,2
26-Sản xuất SP. điện tử, máy vi tính và SP quang học	120,8	124,2
D-Ngành cơ khí	98,1	109,4
25-Sản xuất SP từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	98,3	111,9
27-Sản xuất thiết bị điện	108,7	115,4
28-Sản xuất máy móc, thiết bị chưa phân vào đâu	97,7	111,4
29-Sản xuất xe có động cơ	80,0	96,2
30-Sản xuất phương tiện vận tải khác	101,1	99,3

Đối với các ngành truyền thống, chỉ số sản xuất công nghiệp 8 tháng đầu năm 2019 tăng 1,1% so cùng kỳ năm trước, trong đó ngành dệt tăng 3,4%; ngành may trang phục tăng 2,5%; ngành da giày giảm 1,4%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp ngành truyền thống

	Tháng 8/2019 so với tháng 7/2019	8 tháng so với cùng kỳ
	Đơn vị tính: %	
II. Nhóm ngành truyền thống	103,5	101,1
1. Dệt	107,1	103,4
2. Sản xuất trang phục	105,2	102,5
3. Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	99,9	98,6

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 8/2019 ước tính tăng 0,2% so với tháng trước và tăng 0,7% so cùng kỳ năm 2018. Tính chung 8 tháng đầu năm 2019, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao như: giường, tủ, bàn ghế tăng 45,3%; sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 14,5%; giấy và các sản phẩm từ giấy tăng 12,1%. Bên cạnh đó, một số ngành có chỉ số tiêu thụ giảm mạnh như: Chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) giảm 28,8%; sản phẩm chế biến, chế tạo khác giảm 21,5%.

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 8 ước tính tăng 53,0% so cùng thời điểm năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho cao hơn mức tăng chung của toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo như: Sản xuất kim loại tăng 293,4%; sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 203,2%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 162,2%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 105,8%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 89,8%; sản xuất thiết bị điện tăng 81,6%; dệt tăng 78,0%;

chế biến thực phẩm tăng 62,7%. Bên cạnh đó, một số ngành có chỉ số tồn kho giảm khá mạnh so cùng thời điểm năm trước như: Phương tiện vận tải khác giảm 43,5%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 9,9%.

Nhìn chung, tình hình sản xuất công nghiệp trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2019 với các chỉ sản xuất công nghiệp, chỉ số tiêu thụ và chỉ số tồn kho vẫn duy trì ở tương đối. Tuy nhiên, cần đánh giá lại động lực tăng trưởng của các ngành công nghiệp trọng điểm và tăng cường các giải pháp mang tính đột phá tạo điều kiện tốt hơn nữa cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất trong những tháng tiếp theo.

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

Vụ hè thu: Tổng diện tích gieo trồng vụ hè thu ước tính cả Vụ đạt 13.070,7 ha, tăng 2,2% (+284,6 ha) so với cùng kỳ năm trước. Tính đến 15/8:

– Diện tích gieo trồng lúa hè thu ước đạt 5.777,3 ha, tăng 4% so với cùng kỳ năm trước do diện tích lúa tăng tại huyện Củ Chi và Bình Chánh. Sản lượng lúa đã thu hoạch đạt 13.808,8 tấn, tăng 6,1% so với cùng kỳ.

Vụ mùa: Diện tích gieo cấy lúa Mùa 946 ha, tăng 6,4% so cùng kỳ; hoa cây cảnh 818,8 ha, tăng 11,3% so cùng kỳ. Diện tích mía 1.690 ha, giảm 6,1%, chủ yếu giảm do chuyển đổi sang cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn.

Vụ đông xuân: Kết thúc Vụ đông xuân đã thu hoạch 26.154,7 tấn lúa, tăng 6,3% so với cùng kỳ. Diện tích gieo trồng lúa vụ đông xuân đạt 5.095,9 ha, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước.

Chăn nuôi: Tổng đàn trâu, bò ước tính 136.742 con, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó đàn bò 132.112 con. Đàn bò sữa qua quá trình sàng lọc đến nay có xu hướng phục hồi với mức tăng 3,7% (tương đương tăng 3.202 con) so với cùng kỳ. Tổng đàn heo trong tháng ước tính có 286.390 con, tăng 3,1%. Đàn gia cầm 452,9 ngàn con, tăng 9,1%; trong đó đàn gà 403,8 ngàn con, tăng 9,2%.

Để phòng chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thành phố đã phối hợp làm việc với các Sở Nông nghiệp, Chi cục Chăn nuôi và thú y của Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Bình Phước tăng cường kiểm tra nguồn gốc động vật được đưa về các cơ sở giết mổ của thành phố; hướng dẫn thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học; thường xuyên tiêu độc, sát trùng chuồng trại và khu vực xung quanh; thành lập 18 chốt kiểm dịch động vật tạm thời tại các cửa ngõ vào thành phố và các tuyến đường liên tỉnh.

2. Lâm nghiệp

Tổng diện tích rừng, đất lâm nghiệp trên địa bàn Thành phố hiện nay là 38.905 ha, trong đó diện tích đất có rừng là 36.662 ha. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 17,5%, tỷ lệ che phủ rừng và cây xanh là 40,18%.

Trong tháng, Chi cục Kiểm lâm tổ chức kiểm tra 113 lượt phòng cháy chữa cháy rừng; 73 lượt nguồn gốc nuôi động vật hoang dã; kiểm tra nguồn gốc lâm sản 64 cơ sở.

Lũy kế 8 tháng: kiểm tra 803 lượt phòng cháy chữa cháy rừng; 372 lượt nguồn gốc nuôi động vật hoang dã; kiểm tra nguồn gốc lâm sản 594 đơn vị

3. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 8 ước 5.177,2 tấn, tăng 1,4% so tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng thủy sản khai thác 1.666,7 tấn, giảm 2,9%; sản lượng thủy sản nuôi trồng 3.510,5 tấn, tăng 3,6%.

Lũy kế 8 tháng, sản lượng thủy sản ước 40.211,9 tấn, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm:

– Sản lượng thủy sản khai thác 12.336,2 tấn, tăng 1,4%. Trong đó: sản lượng khai thác thủy sản biển tăng 0,2% (cá đạt 7.311,4 tấn, giảm 1,9%; tôm 1.100,7 tấn, tăng 3,4%; thủy sản khác 1.702,5 tấn, tăng 8,3%), sản lượng khai thác thủy sản nội địa tăng 7,1%.

– Sản lượng thủy sản nuôi trồng 27.875,8 tấn, tăng 3,0%, mức tăng này chủ yếu do nuôi trồng các loại thủy sản khác (trừ cá, tôm) đạt 15.180,6 tấn, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước.

Ngoài ra, Thành phố hiện có gần 30 hộ nuôi lươn, diện tích thả nuôi khoảng 5.600m², tổng sản lượng 8 tháng ước tính khoảng 185 tấn.

Tình hình thả nuôi tôm: tính đến ngày 10/8, có 403 lượt hộ thả nuôi tôm sú giống với 118,22 triệu con giống trên diện tích 3.410,8 ha. Tôm thẻ chân trắng có 1.195 lượt hộ thả nuôi với 406,13 triệu con giống trên diện tích 879,2 ha.

Dịch bệnh trên tôm: trong tháng 8 có 2 hộ nuôi có tôm bị bệnh trên diện tích 1,2 ha làm thiệt hại 0,2 triệu con giống. Từ đầu năm đến nay, có 22 lượt hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 11,5 ha, làm thiệt hại 4,28 triệu con giống. Tất cả đều được xử lý dập bệnh bằng thuốc của Quỹ phòng ngừa dịch bệnh (1.087 kg thuốc TTCA).

III. VỐN ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn thành phố 8 tháng ước thực hiện 251.556 tỷ đồng, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm trước (8 tháng năm 2018 tăng 13,2%), so với kế hoạch năm đạt 52,41%. Trong đó: Vốn đầu tư xây dựng ngân sách thành phố đạt 11.767 tỷ đồng, giảm 6,7%.

Vốn đầu tư xây dựng ngân sách địa phương

	8 tháng 2019 (tỷ đồng)	So với cùng kỳ (%)
Tổng vốn đầu tư	11.767	93,3
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	499	135,0

Cấp thành phố	7.651	101,9
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	406	114,6
Cấp quận huyện	4.116	80,7
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	93	620,0

Khối lượng XDCCB và sửa chữa lớn ước thực hiện tháng 8 là 1.877 tỷ đồng tăng 4,9% so với tháng trước, nhưng giảm 10,6% so với tháng cùng kỳ. Ước tính 8 tháng đạt 11.767 tỷ đồng, giảm 6,7% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chính do chậm giải phóng mặt bằng, cụ thể như: dự án tuyến Metro số 2, khu tái định cư dự án Công viên Thảo cầm viên mới (Safari) tại huyện Củ Chi, dự án Công viên Lịch sử văn hóa dân tộc; dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng phường Long Bình, quận 9...

Một số dự án trong tháng có vốn lớn thực hiện khá cao như:

- + Hệ thống thủy lợi kênh Đông Củ Chi, kế hoạch vốn 200 tỷ đồng, ước 8 tháng 100,3 tỷ đồng, đạt 50,2% so với kế hoạch;
- + Dự án phát triển giao thông, kế hoạch vốn 200 tỷ đồng, ước 8 tháng 98,2 tỷ đồng, so kế hoạch đạt 49,1% so với kế hoạch;
- + Dự án xây dựng trụ sở Công an Quận 3, kế hoạch vốn 50 tỷ đồng, ước 8 tháng 33,1 tỷ đồng, đạt 66,2% so với kế hoạch;
- + Kè chống sạt lở ven sông Sài Gòn (đoạn từ cầu Rạch Đúc nhỏ đến tiếp giáp dự án công ty Cổ phần đầu tư địa ốc Vạn Phúc), kế hoạch vốn 50 tỷ đồng, ước 8 tháng 42,2 tỷ đồng, đạt 84,4% so với kế hoạch;
- + Xây dựng hệ thống đê dọc sông Hà Thành, Huyện Cần Giò, kế hoạch vốn 103,5 tỷ đồng, ước 8 tháng 38 tỷ đồng, đạt 36,7% so với kế hoạch;
- + Xây dựng trường tiểu học Ngã Ba Giồng, huyện Hóc Môn, kế hoạch vốn 45 tỷ đồng, ước 8 tháng 53,7 tỷ đồng, đạt 119,3% so với kế hoạch;

Tình hình thực hiện một số công trình giao thông trọng điểm:

- Dự án tuyến Metro số 2: công tác giải phóng mặt bằng rất chậm, theo kế hoạch năm giao 775 tỷ đồng, nhưng hiện nay khối lượng thực hiện ước đạt 39 tỷ đồng, đạt khoảng 5% so kế hoạch;
- Dự án cầu Thủ Thiêm 2: tiến độ thực hiện phía Quận 2 mới đạt khoảng 19% tổng khối lượng; còn phía quận 1 đang bị vướng giải phóng mặt bằng;
- Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên: Tiếp tục hoàn thành các nhà ga và trên một số đoạn đã thi công, đang thi công đoạn từ nhà hát thành phố đến vòng xoay chợ Bến Thành. Nhưng nhìn chung toàn tuyến mới đạt khoảng 69%;
- Nút giao thông ngã tư An Sương (giai đoạn 2): hiện đang tạm ngưng thi công, do còn vướng giải tỏa.

2. Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tính đến ngày 31/7, toàn thành phố đã cấp 31.018 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 6.657,1 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 30.073

giấy phép, với diện tích 6.550,6 ngàn m² và 945 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 106,5 ngàn m².

So với cùng kỳ số giấy phép giảm 18,8% (- 7.191) và diện tích sàn giảm 15,2% (- 1.177,6 ngàn m²).

Hiện UBND TP đã chỉ đạo rà soát, chấn chỉnh tình trạng xây dựng sai phép và không phép trên toàn Thành phố.

3. Tình hình cấp giấy phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 20/8/2019, Thành phố đã cấp phép cho 816 dự án có vốn nước ngoài với tổng vốn đăng ký đạt 754,1 triệu USD. Điều chỉnh vốn đầu tư có 197 dự án với số vốn là 419,3 triệu USD. Tính chung, tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và điều chỉnh từ đầu năm đến 20/8 là 1.173,4 triệu USD, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, trên địa bàn thành phố còn có 3.147 trường hợp nhà đầu tư góp vốn, mua cổ phần với tổng vốn đạt 3.020,5 triệu USD.

Phân loại các dự án được cấp phép mới:

Theo loại hình đầu tư: hình thức 100% vốn nước ngoài có 734 dự án, vốn đầu tư đạt 637,6 triệu USD; liên doanh 80 dự án, vốn đầu tư đạt 115,7 triệu USD và hợp đồng hợp tác kinh doanh có 2 dự án, vốn đầu tư là 830,6 ngàn USD.

Theo ngành hoạt động: hoạt động kinh doanh bất động sản đứng đầu về vốn đăng ký với 33 dự án, vốn đạt 250,5 triệu USD, chiếm 33,2% trong tổng vốn dự án được cấp phép mới; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 192 dự án, vốn đầu tư 226,7 triệu USD (chiếm 30,1%); thương nghiệp 351 dự án, vốn đầu tư 141,5 triệu USD (chiếm 18,8%); vận tải kho bãi 41 dự án, vốn đầu tư đạt 36,1 triệu USD (chiếm 4,8%); thông tin và truyền thông 106 dự án, vốn đầu tư 34,1 triệu USD (chiếm 4,5%); công nghiệp chế biến, chế tạo 25 dự án, vốn đầu tư 33,2 triệu USD (chiếm 4,4%)...

Theo đối tác đầu tư: trên địa bàn thành phố đã có 60 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư. Trong đó, dẫn đầu về vốn đăng ký vẫn là là British Virgin Islands với 10 dự án, vốn là 179,1 triệu USD, chiếm 23,7% trong tổng vốn. Tiếp theo là Hàn Quốc với 172 dự án, vốn đầu tư là 161,4 triệu USD (chiếm 21,4%); Nhật Bản 111 dự án, vốn đầu tư là 139,1 triệu USD (chiếm 18,5%); Singapore 105 dự án, vốn đầu tư là 118,1 triệu USD (chiếm 15,7%); Hà Lan 10 dự án, vốn đầu tư 27,6 triệu USD, chiếm 3,7%; Hồng Kông 46 dự án, vốn đầu tư là 23,4 triệu USD (chiếm 3,1%); Trung Quốc 67 dự án, vốn đầu tư là 17,9 triệu USD (chiếm 2,4%)...

Bên cạnh đó, từ đầu năm đến ngày 20/8, trên địa bàn thành phố có 97 dự án chuyển trụ sở đi tỉnh, thành khác hoặc đề nghị chấm dứt hoạt động với tổng vốn đầu tư 113,1 triệu USD.

4. Doanh nghiệp thành lập mới và giải thể

4.1. Đăng ký thành lập doanh nghiệp

Từ đầu năm đến ngày 15/8/2019, Thành phố đã cấp phép cho 27.951 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký đạt 452.876 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước, số giấy phép tăng 1,6%, vốn đăng ký tăng 31,1%. Số lượng doanh nghiệp được cấp phép của 9 ngành dịch vụ chủ yếu là 19.915 đơn vị, chiếm 71,3% trong tổng số, tăng 1,6%; vốn đăng ký 335.086 tỷ đồng, chiếm 74%, tăng 37,6%.

Phân theo loại hình: Công ty TNHH 24.145 đơn vị, chiếm 86,4% trong tổng số, tăng 1% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký đạt 217.854 tỷ đồng, tăng 44,5%. Công ty cổ phần có 3.604 đơn vị, tăng 7,9%; vốn đăng ký 234.818 tỷ đồng, tăng 20,7% so với cùng kỳ. Doanh nghiệp tư nhân có 200 đơn vị, giảm 24,2%; vốn đăng ký đạt 201 tỷ đồng, tăng 29,4%.

Phân theo khu vực:

– **Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:** số lượng doanh nghiệp cấp phép là 118 đơn vị, giảm 3,3%; vốn đăng ký đạt 1.251 tỷ đồng, giảm 73,5% so với cùng kỳ năm trước.

– **Khu vực công nghiệp, xây dựng:** cấp phép 5.559 doanh nghiệp, giảm 1% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 98.976 tỷ đồng, tăng 11,3%. Trong đó, ngành xây dựng có 2.720 doanh nghiệp, giảm 4,1%, vốn đạt 78.636 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm trước; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có 2.605 đơn vị, giảm 0,5% và vốn đạt 12.399 tỷ đồng, giảm 71,6% so với cùng kỳ năm trước.

– **Khu vực thương mại, dịch vụ:** cấp phép 22.274 doanh nghiệp, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký đạt 352.649 tỷ đồng, tăng 40,1%. Trong đó, **hoạt động kinh doanh bất động sản** 2.049 đơn vị, tăng 5,6%; vốn đăng ký 179.965 tỷ đồng, tăng 27,4%. **Thương nghiệp** có 9.873 doanh nghiệp, giảm 3,5%; vốn đăng ký đạt 60.269 tỷ đồng, tăng 21,2%. **Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ** 3.009 doanh nghiệp, vốn đăng ký 48.233 tỷ đồng; so với cùng kỳ năm trước, số giấy phép tăng 12,2%, vốn đăng ký tăng gấp 3,2 lần. **Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm** có 453 doanh nghiệp, tăng 45,7%; vốn đăng ký 22.848 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với cùng kỳ.

4.2. Doanh nghiệp ngừng hoạt động: Từ đầu năm đến ngày 31/7, trên địa bàn thành phố đã có 2.380 doanh nghiệp giải thể, tăng 14,7% so với cùng kỳ năm trước. Doanh nghiệp ngừng hoạt động là 3.753 đơn vị; doanh nghiệp chuyển đi tỉnh thành khác là 311 đơn vị, giảm 38,2%.

IV. NỘI THƯƠNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

1. Nội thương

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 8 ước tính đạt 94.536 tỷ đồng, giảm 0,4% so với tháng trước và tăng 10,5% so với tháng cùng kỳ năm 2018. Trong đó:

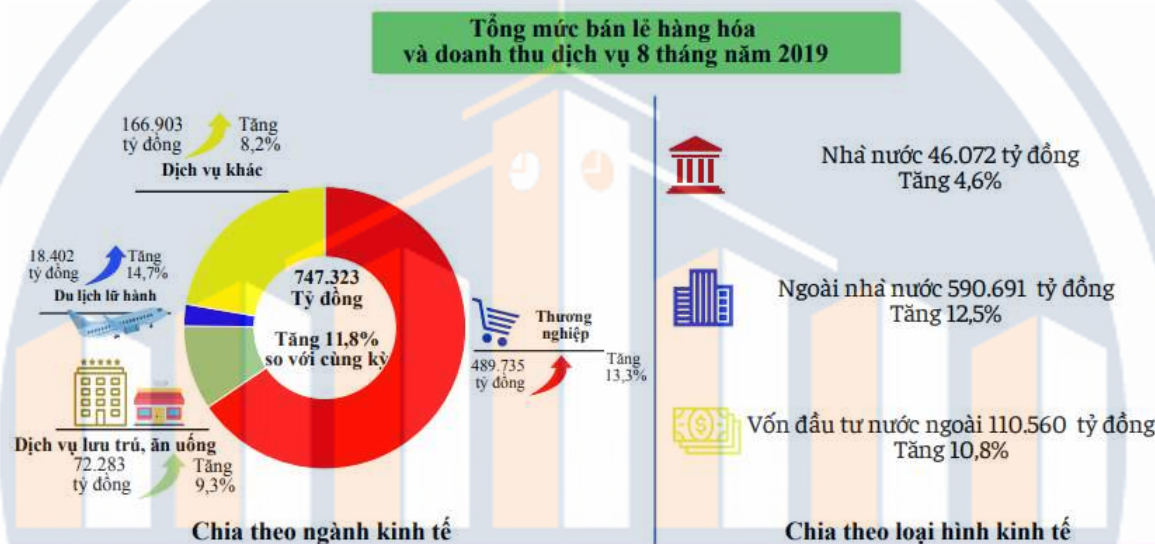
– Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 61.410 tỷ đồng, giảm 0,6% so với tháng trước và tăng 11,1% so với cùng kỳ năm 2018. Cụ thể một số nhóm hàng có tỷ trọng cao trong doanh thu bán lẻ hàng hóa như: đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình đạt

11.356 tỷ đồng, chiếm 18,5%, tăng 2% so với tháng trước và tăng 14,4% so với cùng kỳ; lương thực, thực phẩm 10.707 tỷ đồng, chiếm 17,4%, có mức tăng lần lượt so với các thời điểm như trên là 2,4% và 17,5%; xăng dầu các loại 5.246 tỷ đồng, chiếm 8,5%, tăng 2,1% và 12,3%; phương tiện đi lại (trừ ô tô) 3.110 tỷ đồng, tăng 1,3% và 41,2%.

– Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 9.162 tỷ đồng, giảm 1,7% so với tháng trước và tăng 11,8% so với cùng kỳ.

– Doanh thu dịch vụ lữ hành đạt 2.388 tỷ đồng, giảm 1,7% so với tháng trước và tăng 6,7% so với cùng kỳ.

– Doanh thu dịch vụ khác đạt 21.576 tỷ đồng, tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 8,7% so với cùng kỳ.



Tính chung 8 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 747.323 tỷ đồng, tăng 11,8% so với cùng kỳ năm trước.

Phân theo loại hình kinh tế và ngành kinh tế của tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ 8 tháng như sau:

*** Chia theo loại hình kinh tế:**

- Kinh tế nhà nước ước tính đạt 46.072 tỷ đồng, chiếm 6,2% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm trước;
- Kinh tế ngoài nhà nước ước đạt 590.691 tỷ đồng, chiếm 79%, tăng 12,5%;
- Khu vực kinh tế có vốn nước ngoài đạt 110.560 tỷ đồng, chiếm 14,8%, tăng 10,8%.

*** Chia theo ngành kinh tế:**

- Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt 489.735 tỷ đồng, chiếm 65,5% tổng mức và tăng 13,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình đạt 93.867 tỷ đồng, chiếm 19,2%, tăng 13%; lương thực thực phẩm

đạt 82.814 tỷ đồng, chiếm 16,9%, tăng 11,7%; xăng dầu các loại 41.245 tỷ đồng, chiếm 8,4%, tăng 12,4%; hàng may mặc 32.423 tỷ đồng, chiếm 6,6%, tăng 12,4%.

– Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước tính đạt 72.283 tỷ đồng, chiếm 9,7% tổng mức và tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước.

– Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành ước tính đạt 18.402 tỷ đồng, chiếm 2,5% tổng mức và tăng 14,7% so với cùng kỳ năm trước.

– Doanh thu dịch vụ khác ước tính đạt 166.903 tỷ đồng, chiếm 22,3% tổng mức và tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2018.

2. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8/2019 tăng 0,24% so tháng trước. Trong đó, **7 nhóm tăng so tháng trước** gồm Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,16%); Nhóm đồ uống và thuốc lá (+0,21%); Nhóm nhà ở điện nước (+0,29%); Nhóm thiết bị đồ dùng gia đình (+0,05%); Nhóm thuốc và dịch vụ y tế (+3,93%); Nhóm giáo dục (+0,10%); Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác (+0,07%). **4 nhóm giảm so tháng trước**, gồm Nhóm may mặc mũ nón giày dép (-0,01%); Nhóm giao thông (-0,39%); Nhóm bưu chính viễn thông (-0,08%); Nhóm văn hóa giải trí và du lịch (-0,10%).

Diễn biến giá cụ thể một số nhóm ngành hàng thay đổi so tháng trước:

– **Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống** tăng 0,16% so tháng trước. Trong đó, nhóm lương thực tăng 0,11%, chủ yếu do nhóm bột mì ngũ cốc và nhóm lương thực chế biến đều tăng với mức tăng lần lượt là 2,94% và 0,05%, riêng nhóm gạo giảm 0,04%. Nhóm thực phẩm tăng nhẹ 0,09% so tháng trước; trong đó, các nhóm mặt hàng tăng so tháng trước như thịt heo (+0,4%), thịt bò (+0,22%), thịt gia cầm tươi sống (+0,13%), thịt chế biến (+0,03%), trứng các loại (+0,06%), dầu mỡ ăn và chất béo khác (+0,13%)... Bên cạnh đó một số nhóm mặt hàng giảm so tháng trước như thủy sản chế biến (-0,05%); rau các loại (-0,53%)... Giá thực phẩm nhìn chung đã phục hồi và tăng nhẹ so tháng trước kể từ tháng 5 đến nay, nếu so mặt bằng giá đầu năm, giá thực phẩm vẫn tăng 0,83% (bình quân một tháng trong 8 tháng đầu năm 2019 giá thực phẩm tăng 0,10%).

– **Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt, vật liệu xây dựng** tăng 0,29% so với tháng trước. Đây là nhóm có chỉ số tăng cao xếp thứ hai sau nhóm thuốc và dịch vụ y tế trong tháng. Trong đó, giá cho thuê nhà tăng 0,50% do nhu cầu tăng ở đầu mùa khai giảng năm học mới; riêng giá vật liệu xây dựng và dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng không đáng kể, còn lại giá gas và dầu hoả giảm nhẹ với mức giảm lần lượt: (-0,90% và -1,47%).

– **Nhóm thuốc và dịch vụ y tế** tăng 3,93% so tháng trước. Theo quy định của Thông tư 13/2019/TT-BYT về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2018/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh

trong một số trường hợp đối với giá khám chữa bệnh có BHYT, giá khám chữa bệnh sẽ tăng đồng loạt từ ngày 20/8. Cụ thể phí nằm viện và một số các dịch vụ kỹ thuật khám chữa bệnh cũng tăng theo. Vì vậy, mức khám chữa bệnh ngoại trú tăng 2,72%; khám chữa bệnh nội trú (kể cả viện phí) tăng 8,11%, tính bình quân chung dịch vụ y tế tăng 4,92%.

– **Nhóm giao thông** giảm 0,39% so tháng trước, chủ yếu do tác động của hai lần điều chỉnh giá xăng dầu ngày 01/8 và 16/8. Theo đó, qua hai lần điều chỉnh giá bình quân xăng dầu giảm 1,00%, riêng giá cước tàu hỏa và cước ô tô khách cũng được điều chỉnh giảm nhẹ trong tháng với mức giảm lần lượt -4,15% và -0,02%, còn lại các mặt hàng khác thuộc nhóm giao thông tăng giảm không đáng kể.

– **Nhóm giáo dục** tăng 0,10% so với tháng trước. Trong đó, nhóm đồ dùng học tập và văn phòng phẩm giảm 0,23%, học phí giáo dục tăng nhẹ 0,13% tập trung ở hệ phổ thông cơ sở và phổ thông trung học thuộc dân lập với mức tăng tương ứng là +0,78% và +0,40%. Tháng 8, 9,10/2019 là những tháng bước vào năm học mới 2019-2020, tại Thành phố một số trường đã bắt đầu có sự điều chỉnh khung học phí mới. Trong tháng 8/2019, Thành phố chỉ mới điều chỉnh một vài trường ở hai hệ phổ thông cơ sở thuộc dân lập và phổ thông trung học thuộc dân lập. Tháng 9/2019 sẽ là tháng chính thức bước vào năm học mới 2019 - 2020, dự kiến học phí mẫu giáo, học phí học nghề, trung cấp cao đẳng, đại học cũng sẽ được tiếp tục điều chỉnh trong tháng 9 và tháng 10/2019.

CPI tháng 08/2019 tăng 1,76% so với tháng 12/2018 và tăng 3,75% so với cùng tháng năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 8 tháng năm 2019 tăng 3,90% so với bình quân cùng kỳ năm 2018.

Chỉ số giá vàng tháng 08/2019 tăng 4,78% so với tháng trước, tăng 11,78% so với tháng 12/2018 và tăng 10,73% so với cùng tháng năm trước. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 08/2019 giảm 0,17% so tháng trước, giảm 0,41% so với tháng 12/2018 và giảm 0,2% so với cùng tháng năm 2018.

V. XUẤT - NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

1. Xuất khẩu

Ước tính tháng 8 năm 2019, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước đạt 3.839,2 triệu USD, tăng 3,0% so tháng trước; trong đó, kim ngạch xuất khẩu không tính dầu thô đạt 3.632,8 triệu USD, tăng 2,0%.

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của doanh nghiệp Thành phố xuất qua cảng Thành phố (gồm cả dầu thô) trong tháng 8 ước đạt 3.466,3 triệu USD, tăng 2,5% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 264,5 triệu USD, tăng 18,8%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 1.024,9 triệu USD, giảm 2,1%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 2.176,9 triệu USD, tăng 3,0%. Trong đó, một số mặt hàng xuất khẩu có mức tăng so với tháng trước như: Dầu thô tăng 24,3%;

máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 7,5%; cao su tăng 5,0%, phương tiện vận tải khác và phụ tùng tăng 2,6%; hạt điều tăng 1,4%. Một số mặt hàng có giá trị xuất khẩu giảm so với tháng trước điển hình như: Rau quả giảm 13,1%; gạo giảm 5,7%; túi xách, ví, vali giảm 5,1%; giày dép giảm 4,9%.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước ước đạt 27.178,2 triệu USD, tăng 8,9% so cùng kỳ năm trước; trong đó kim ngạch xuất khẩu không tính dầu thô đạt 25.621,8 triệu USD, tăng 10,1% so cùng kỳ năm trước.

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố xuất qua cảng Thành phố (gồm cả dầu thô) trong 8 tháng đầu năm 2019 ước đạt 24.935,0 triệu USD, tăng 11,8% so cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 2.047,7 triệu USD, giảm 11,1%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 7.666,8 triệu USD, tăng 4,2%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 15.220,5 triệu USD, tăng 20,4%.

Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu qua cảng Thành phố trong 8 tháng đầu năm 2019 của doanh nghiệp Thành phố (loại trừ dầu thô) gồm:

- *Nhóm hàng nông sản* có giá trị xuất khẩu đạt 2.332,3 triệu USD, giảm 4,5% so cùng kỳ, chiếm 10,0% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó:

+ Gạo có sản lượng xuất khẩu đạt 521,4 ngàn tấn với giá trị 614,4 triệu USD, giảm 3,3%;

+ Cà phê có sản lượng xuất khẩu đạt 265,1 ngàn tấn với giá trị 385,6 triệu USD, giảm 27,2%;

+ Cao su có sản lượng xuất khẩu đạt 164,7 ngàn tấn với giá trị 385,7 triệu USD, tăng 11,2%.

- *Nhóm hàng lâm sản* đạt 353,6 triệu USD, tăng 6,5% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 1,5%;

- *Nhóm hàng thủy hải sản* đạt 651,7 triệu USD, tăng 16,1% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 2,8%;

- *Nhóm hàng công nghiệp* đạt 18.228,2 triệu USD, tăng 8,5% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 77,9%, trong đó:

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện có giá trị xuất khẩu đạt 8.702,0 triệu USD, tăng 44,8%, chiếm tỷ trọng 37,2%;

+ Dệt, may có giá trị xuất khẩu đạt 3.740,9 triệu USD, tăng 0,8%, chiếm tỷ trọng 16,0%;

+ Giày dép có giá trị xuất khẩu đạt 1.698,2 triệu USD, tăng 2,3%, chiếm tỷ trọng 7,3%;

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác có giá trị xuất khẩu đạt 1.416,2 triệu USD, giảm 6,3%, chiếm tỷ trọng 6,1%;

- Nhóm hàng hóa khác có trị giá xuất khẩu đạt 1.812,8 triệu USD, giảm 0,6% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 7,8%.

Riêng mặt hàng dầu thô, sản lượng xuất khẩu trong 8 tháng đầu năm 2019 đạt 3.084,0 ngàn tấn (tăng 3,1%) với trị giá 1.556,5 triệu USD (giảm 7,6% so cùng kỳ).

Về thị trường xuất khẩu hàng hóa, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất đối với doanh nghiệp Thành phố trong 8 tháng đầu năm 2019 với kim ngạch xuất khẩu đạt 4.943,7 triệu USD, tăng 18,1% so cùng kỳ năm 2018, chiếm 19,8% tỷ trọng xuất khẩu. Tiếp đến là thị trường Hoa Kỳ với kim ngạch xuất khẩu đạt 4.288,6 triệu USD, tăng 15,7% so cùng kỳ, chiếm 17,2%. Xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản đạt 2.129,7 triệu USD, giảm 2,6% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 8,5%. Đối với thị trường Châu Âu (Hiệp định EVFTA) kim ngạch xuất khẩu trong 8 tháng đầu năm 2019 đạt 3.370,8 triệu USD, tăng 6,7% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 13,5% tổng kim ngạch xuất khẩu.

2. Nhập khẩu

Ước tính tháng 8 năm 2019, tổng kim ngạch nhập khẩu của doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước đạt 4.772,4 triệu USD, tăng 4,0% so với tháng trước.

Tổng kim ngạch nhập khẩu của doanh nghiệp Thành phố qua cảng Thành phố ước đạt 3.689,4 triệu USD, giảm 5,0% so với tháng trước; trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 88,8 triệu USD, giảm 11,5 %; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 1.715,1 triệu USD, giảm 7,7%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.885,5 triệu USD, giảm 2,2%.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2019, tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước ước đạt 33.347,8 triệu USD, tăng 8,3% so cùng kỳ năm trước.

Tổng kim ngạch nhập khẩu của doanh nghiệp Thành phố qua cảng Thành phố ước đạt 27.829,1 triệu USD, tăng 6,9% so cùng kỳ năm trước; trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 932,1 triệu USD, giảm 21,7%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 13.671,5 triệu USD, giảm 1,1%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 13.225,5 triệu USD, tăng 19,9%.

Cơ cấu nhóm hàng hóa nhập khẩu qua cảng Thành phố trong 8 tháng đầu năm 2019 gồm: Nhóm hàng nguyên nhiên vật liệu đạt 10.560,5 triệu USD, giảm 7,3% so cùng kỳ năm 2018, chiếm tỷ trọng 37,9; nhóm hàng máy móc, thiết bị, phụ tùng đạt 13.089,4 triệu USD, tăng 16,6%, chiếm tỷ trọng 47,1%; nhóm hàng tiêu dùng đạt 1.565,7 triệu USD, tăng 22,4%, chiếm tỷ trọng 5,6%; nhóm hàng hóa khác đạt 2.613,5 triệu USD, tăng 6,2%, chiếm 9,4%.

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của doanh nghiệp Thành phố qua cảng Thành phố trong 8 tháng đầu năm 2019 như:

+ Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện có trị giá nhập khẩu đạt 7.856,9 triệu USD, tăng 41,3% so cùng kỳ năm 2018, chiếm tỷ trọng 28,2%;

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác có trị giá nhập khẩu đạt 3.564,5 triệu USD, giảm 4,1%, chiếm tỷ trọng 12,8%;

+ Vải các loại có trị giá nhập khẩu đạt 1.527,1 triệu USD, giảm 5,7%, chiếm tỷ trọng 5,5%;

+ Chất dẻo nguyên liệu có giá trị nhập khẩu đạt 1.287,5 triệu USD, giảm 4,2%, chiếm tỷ trọng 4,6%;

+ Sắt thép có trị giá nhập khẩu đạt 1.108,3 triệu USD, tăng 6,2%;

+ Dược phẩm có trị giá nhập khẩu đạt 1.006,3 triệu USD, tăng 8,4%;

+ Điện thoại các loại và linh kiện có trị giá nhập khẩu đạt 669,7 triệu USD, giảm 5,1%;

+ Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày có trị giá nhập khẩu đạt 469,1 triệu USD, giảm 1,4% so cùng kỳ.

VI. VẬN TẢI

1. Doanh thu vận tải

Tổng doanh thu vận tải tháng 8 ước đạt 22.953 tỷ đồng, tăng 1,6% so với tháng trước và tăng 22,7% so tháng cùng kỳ. Tám tháng ước đạt 166.177 tỷ đồng, tăng 13,3% so cùng kỳ. Trong đó vận tải hàng hóa tăng 13,4%, vận tải hành khách tăng 8,9%.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 8 tháng năm 2019

	Doanh thu 8 tháng (tỷ đồng)		So sánh với cùng kỳ Năm 2018 (%)	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	40.414	17.265	113,4	108,9
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	2.284	166	111,7	106,0
Kinh tế ngoài nhà nước	37.818	12.397	113,4	114,3
Kinh tế có vốn nước ngoài	512	4.702	120,8	97,0
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	27.125	12.342	114,5	114,8
Đường sông	1.798	55	111,7	109,4
Đường biển	11363	375	111,0	100,7
Đường hàng không	128	4.493	119,7	96,1

* **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu 8 tháng ước đạt 40.414 tỷ đồng, tăng 13,4% so cùng kỳ năm trước. Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 5,5%, tăng 11,7% so cùng kỳ; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 93,6%, tăng 13,4%; khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 0,8%, tăng 20,8%.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 67,1%, tăng 14,5%; vận tải đường biển chiếm 28,1%, tăng 11% so cùng kỳ; vận tải đường sông chiếm 4,4%, tăng 11,7% so cùng kỳ.

* **Vận tải hành khách:** Doanh thu 8 tháng ước đạt 17.265 tỷ đồng, tăng 8,9% so cùng kỳ. Kinh tế ngoài nhà nước chiếm chủ yếu 71,8%, tăng 14,3% so cùng kỳ; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 27,2%, bằng 97% so cùng kỳ.

Vận tải đường bộ chiếm 71,5%, tăng 14,8% so cùng kỳ, đường hàng không chiếm 26%, bằng 96,1% so cùng kỳ.

2. Sản lượng vận tải hàng hóa và hành khách:

a. Sản lượng vận tải hàng hóa tháng 8 ước đạt 21.147 ngàn tấn, so với tháng trước tăng 2,5%. Tám tháng ước đạt 164.977 ngàn tấn, so cùng kỳ tăng 10,9%. Khu vực nhà nước chiếm 5,9%, tăng 14,8%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 93,9%, tăng 10,5% và khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 0,7%, tăng 33,1% so cùng kỳ.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 66,5%, tăng 9,2% so cùng kỳ; vận tải đường sông chiếm 15,8%, tăng 11,4% so cùng kỳ; vận tải đường biển chiếm 18%, tăng 16,7%.

b. Sản lượng vận tải hành khách tháng 8 ước đạt 101.756 ngàn hành khách, so với tháng trước tăng 5,2%. Tám tháng ước đạt 714.447 ngàn hành khách, so với cùng kỳ tăng 16,1%. Khu vực nhà nước chiếm 2,7%, tăng 4,4%; khu vực ngoài nhà nước chiếm 95,7%, tăng 16,2% và khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 1,5%, tăng 31,5%.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 98,6%, tăng 16,1%; vận tải hàng không chiếm 0,6%, tăng 37%; vận tải đường sông chiếm 0,8%, tăng 8,5%.

VII. TÀI CHÍNH

1. Ngân sách

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 8 tháng năm 2019 ước thực hiện 258.629 tỷ đồng, đạt 64,8% dự toán, tăng 5,8% so cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa 164.703 tỷ đồng, đạt 60,5% dự toán, tăng 2,1% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 15.927 tỷ đồng, đạt 88,5% dự toán, tăng 1,2% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 78.000 tỷ đồng, đạt 71,7% dự toán, tăng 15,6% so cùng kỳ.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2019 (Tỷ đồng)		% thực hiện 8 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 8 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2018
Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước	399.125	258.629	64,8	105,8
I- Thu nội địa	272.325	164.703	60,5	102,1
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	29.899	16.298	54,5	102,2
2. Khu vực ngoài nhà nước	69.114	45.706	66,1	108,9

3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	76.450	43.717	57,2	109,1
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	108.800	78.000	71,7	115,6
III- Thu từ dầu thô	18.000	15.927	88,5	101,2

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 9,9% tổng thu nội địa, tăng 2,2% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 11.143 tỷ đồng, đạt 52,8% dự toán, giảm 1,2% so cùng kỳ; Nhà nước địa phương ước thực hiện 5.155 tỷ đồng, đạt 58,6% dự toán, tăng 10,6% so cùng kỳ. Thu từ khu vực ngoài nhà nước ước thực hiện 45.706 tỷ đồng, đạt 66,1% dự toán, tăng 8,9% so cùng kỳ. Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 43.717 tỷ đồng, đạt 57,2% dự toán, tăng 9,1% so cùng kỳ.

Thu cân đối ngân sách địa phương 8 tháng năm 2019 ước thực hiện 44.818 tỷ đồng, đạt 60,4% dự toán, giảm 13,4% so cùng kỳ năm 2018.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 8 tháng năm 2019 ước thực hiện 35.249 tỷ đồng, đạt 39,7% dự toán, tăng 0,6% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2019 (Tỷ đồng)		% thực hiện 8 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 8 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2018
Tổng chi (trừ tạm ứng)	88.870	35.249	39,7	100,6
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	31.617	10.087	31,9	72,0
II- Chi thường xuyên	47.419	22.849	48,2	119,4
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	7.029	2.785	39,6	117,3
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	16.632	7.814	47,0	134,1
Sự nghiệp y tế	3.122	1.282	41,1	134,6
Quản lý hành chính	8.114	4.512	55,6	123,4

Chi đầu tư phát triển 10.087 tỷ đồng, đạt 31,9% dự toán, giảm 28,0% so cùng kỳ. Chi thường xuyên 22.849 tỷ đồng, đạt 48,2% dự toán, tăng 19,4% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 2.785 tỷ đồng, đạt 39,6% dự toán, tăng 17,3% so cùng kỳ; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 7.814 tỷ đồng, đạt 47,0% dự toán, tăng 34,1% so cùng kỳ; chi sự nghiệp y tế 1.282 tỷ đồng, đạt 41,1% dự toán, tăng 34,6% so cùng kỳ; chi quản lý hành chính 4.512 tỷ đồng, đạt 55,6% dự toán, tăng 23,4% so cùng kỳ 2018.

2. Ngân hàng

Tổng vốn huy động đến đầu tháng 08/2019 đạt 2.384,21 ngàn tỷ đồng, tăng 0,66% so với tháng trước (chỉ số này của tháng trước: +1,57%); tăng 11,64% so với tháng cùng kỳ năm trước. Vốn huy động của các Ngân hàng thương mại cổ phần chiếm 52,49% tổng vốn huy động, tăng 12,19% so tháng cùng kỳ. Tiền gửi tiết kiệm đạt 1.086,43 ngàn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 45,57% tổng vốn huy động, tăng 5,13% so với tháng cùng kỳ.

Theo loại tiền gửi, vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 12,16%, tăng 20,29% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động VND chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng nguồn vốn, chiếm 87,84%; tăng 10,54% so tháng cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 08/2019 đạt 2.173,60 ngàn tỷ đồng, tăng 12,19% so tháng cùng kỳ. Trong đó, dư nợ tín dụng của các ngân hàng thương mại cổ phần đạt 1.138,49 ngàn tỷ đồng, chiếm 52,38% tổng dư nợ, tăng 11,66% so tháng cùng kỳ.

Theo loại tiền, dư nợ bằng ngoại tệ đạt 171,36 ngàn tỷ đồng, chiếm 7,88% tổng dư nợ, giảm 2,69% so với tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VND đạt 2.002,24 ngàn tỷ đồng, chiếm 92,12% tổng dư nợ, tăng 13,68% so với tháng cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 07 năm 2019, tổng số mã chứng khoán được giao dịch khớp lệnh là 401 gồm 380 mã cổ phiếu, 3 mã chứng chỉ quỹ, 2 mã quỹ ETF và 16 mã chứng quyền; tăng 9 mã chứng khoán so với cuối tháng trước. Ngày 11/07 mã cổ phiếu GAB của Công ty Cổ phần GAB giao dịch phiên đầu tiên; ngày 12/07 các mã chứng quyền giao dịch phiên đầu tiên: CFPT1902 (Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI), CFPT1903 (Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI), CHPG1904 (Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI), CHPG1905 (Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI), CMWG1903 (Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh), CMWG1904 (Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI); ngày 22/07 mã cổ phiếu KOS của Công ty Cổ phần KOSY giao dịch phiên đầu tiên; ngày 26/07 mã cổ phiếu DBC của Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam giao dịch phiên đầu tiên. Các mã trái phiếu mới phát sinh giao dịch trong tháng này: VIC11814 (Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần), VIC11901 (Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần), VPL11812 (Công ty Cổ phần Vinpearl).

Giá trị vốn hóa thị trường là 3.344.165 tỷ đồng, tăng 16,30% so với cuối năm 2018. Trong tháng 07/2019 có 23 phiên giao dịch, 13 phiên tăng điểm và 10 phiên giảm điểm. VN-Index trong tháng này có xu hướng tăng về cuối tháng. Đến cuối tháng 07/2019, VN-Index đạt 991,66 điểm, tăng 4,39% (tương ứng tăng 41,72 điểm) so với cuối tháng trước và tăng 11,11% (tương ứng tăng 99,12 điểm) so với cuối năm 2018.

Tính từ đầu năm đến cuối tháng 07/2019, VN-Index đạt giá trị thấp nhất vào ngày 03/01 với 878,22 điểm và đạt giá trị cao nhất vào ngày 18/03 với 1.011,86 điểm.

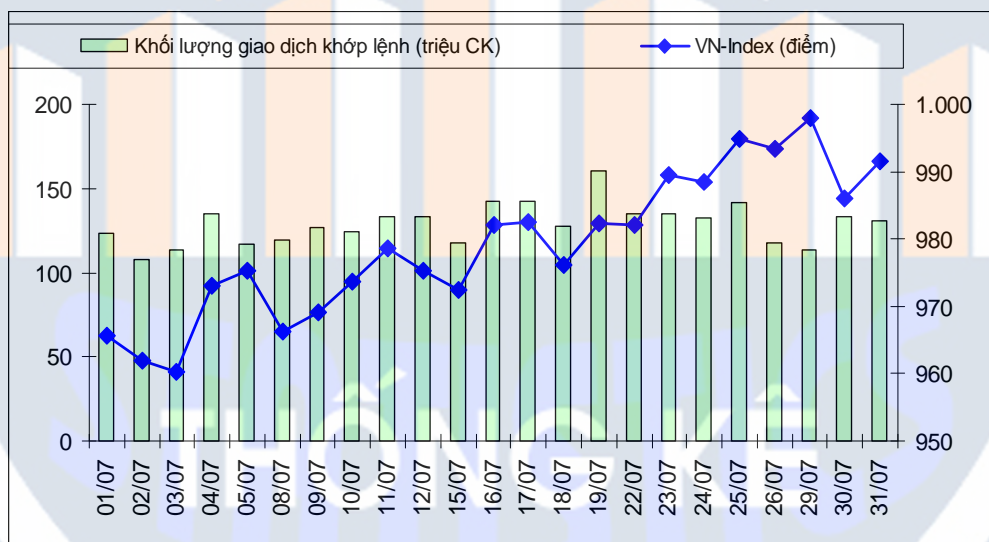
Khối lượng giao dịch trong tháng 07/2019 đạt 3.701,38 triệu chứng khoán, tăng 13,21% so với tháng trước. Giá trị giao dịch trong tháng đạt 90.944,10 tỷ đồng, tăng 18,75% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 160,93 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 3.954,09 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên giảm 1,56% và giá trị giao dịch tăng 3,26% so với tháng trước.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 07/2019	7 tháng năm 2019	Tháng 07 so tháng 06	7 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	3.701,38	24.205,36	113,21	79,94
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	3.582,39	23.640,17	113,26	79,52

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 07/2019	7 tháng năm 2019	Tháng 07 so tháng 06	7 tháng so cùng kỳ
Trái phiếu	46,68	251,41	137,75	167,13
Chứng chỉ quỹ & ETF	26,46	264,99	38,00	66,63
Chứng quyền	45,85	48,79	-	-
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	2.962,95	18.891,20	129,11	73,42
Giao dịch thỏa thuận	738,43	5.314,16	75,76	116,82
Tổng giá trị giao dịch	90.944,10	559.013,16	118,75	61,84
(tỷ đồng)				
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	85.618,60	529.036,42	118,75	60,00
Trái phiếu	4.805,29	25.950,70	137,84	167,28
Chứng chỉ quỹ & ETF	380,09	3.880,26	38,22	56,87
Chứng quyền	140,12	145,78	-	-
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	66.758,34	401.758,82	132,17	57,29
Giao dịch thỏa thuận	24.185,76	157.254,34	92,74	77,55

Đồ thị VN-Index tháng 07/2019 trên SGDCK TP.HCM



Cập nhật đến ngày 15/08/2019, tổng số mã được giao dịch khớp lệnh là 400 mã chứng khoán (trong đó có 16 mã chứng quyền). Giá trị vốn hóa thị trường là 3.308.090 tỷ đồng, tăng 15,04% so với cuối năm 2018; VN-Index đạt 979,38 điểm, tăng 9,73% (tương ứng tăng 86,84 điểm) so với cuối năm 2018.

B. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/6/2019 đến ngày 15/7/2019)

1.1. Vi phạm kinh tế, môi trường

Trong 30 ngày qua, đã phát hiện và xử lý 110 vụ, 105 đối tượng vi phạm về trật tự quản lý kinh tế, thu giữ nhiều hàng hóa có giá trị trên 8,3 tỷ đồng.

Phối hợp với các sở, ngành liên quan tiến hành kiểm tra phát hiện 63 tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về bảo vệ môi trường, đề xuất ban hành 35 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, thu về ngân sách hơn 2,3 tỷ đồng.

1.2. Phạm pháp hình sự

Trong tháng, Thành phố ghi nhận xảy ra 372 vụ phạm pháp hình sự giảm 9,3% (-38 vụ) so với cùng kỳ năm 2018; làm chết 13 người, bị thương 58 người, thiệt hại tài sản trị giá hơn 17 tỷ đồng.

Đã triệt phá 37 băng nhóm tội phạm, bắt 79 đối tượng, điều tra khám phá nhanh là 253 vụ phạm pháp hình sự (đạt 68,01%) và bắt 277 người vi phạm. Bắt, vận động đầu thú và thanh loại 13 đối tượng có lệnh truy nã (trong đó bắt 06 tên, vận động đầu thú 03 tên, thanh loại 01 tên và nơi khác bắt hộ 03 tên).

1.3. Phòng chống tệ nạn xã hội

Ma túy: Đã triệt phá 123 vụ với 297 đối tượng có hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, trong đó có 01 chuyên án. Đã thu giữ 20,386 kilogram Hêrôin; 21,770 kilogram ma túy tổng hợp; 0,7105 gram Cocain và nhiều tang vật khác có liên quan.

Các loại tệ nạn xã hội khác: Đã phát hiện, xử lý nhiều vụ đánh bạc ăn tiền với quy mô nhỏ tại khu dân cư, nơi công cộng... Đã kiểm tra phát hiện, xử lý 26 vụ với 166 đối tượng tổ chức, tham gia cờ bạc trái phép, thu trên 198 triệu đồng và nhiều tang vật khác.

1.4. Trật tự an toàn giao thông

Tai nạn giao thông đường bộ: Trong tháng đã xảy ra 282 vụ tai nạn giao thông đường bộ tăng 4,8% (+13 vụ), làm chết 53 người, bị thương 211 người; trong đó có 56 vụ tai nạn giao thông đường bộ từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 9,7% (-06 vụ) so với cùng kỳ năm 2018; làm chết 53 người, bị thương nặng 21 người và 226 vụ va chạm, làm bị thương nhẹ 189 người, hư hỏng 429 xe các loại.

Tai nạn giao thông đường sắt: Không xảy ra tai nạn giao thông.

Tai nạn giao thông đường thủy: Không xảy ra tai nạn giao thông.

1.5. Về tình hình cháy, nổ

Tình hình cháy: Đã xảy ra 20 vụ cháy giảm 55,56% (-25 vụ) so với cùng kỳ năm 2018; không có thiệt hại về người; thiệt hại tài sản ước tính khoảng 7,5 tỷ đồng. Các vụ cháy chủ yếu là cháy nhà đơn lẻ, căn hộ chung cư... Nguyên nhân gây cháy chủ yếu do sự cố hệ thống, thiết bị điện.

Tình hình nổ: Trong tháng thành phố không có xảy ra vụ nổ nào.

2. Tình hình giải quyết việc làm trong tháng 8 năm 2019

2.1 Kết quả giải quyết việc làm

Trong tháng 8/2019, các thành phần kinh tế trên địa bàn thành phố đã giải quyết việc làm cho 28.437 lượt lao động, giảm 0,55% so với tháng trước; số chỗ việc làm mới tạo ra là 11.170 chỗ việc làm, giảm 12,13% so với tháng trước.

Tổng số giải quyết việc làm trong 8 tháng đầu năm 2019 là 217.787 lượt lao động đạt 73,60% so với kế hoạch năm 2019 và số chỗ việc làm mới là 96.647 chỗ việc làm mới đạt 73,58% so với kế hoạch năm 2019.

2.2 Tình hình về chính sách bảo hiểm thất nghiệp

Trong 8 tháng đầu năm 2019, đã có 114.500 người lao động nộp hồ sơ đề nghị hưởng bảo hiểm thất nghiệp và tư vấn các chế độ cho người lao động theo quy định, trong đó 103.500 người đã có quyết định hưởng bảo hiểm thất nghiệp.

Tiếp tục tăng cường công tác rà soát, đối chiếu lao động tại các doanh nghiệp nhằm hạn chế người lao động đã có việc làm nhưng vẫn nộp hồ sơ để hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Trên đây là tình hình kinh tế xã hội tháng 8 và 8 tháng năm 2019 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

